

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2024
“Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thương.
- Bà Phạm Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ cư trú: tổ 6, khu N, phường K, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H; địa chỉ cư trú: tổ 6, khu N, phường K, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hoà giải và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn với anh Hoàng Văn H vào ngày 11/11/2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống tại khu T, phường M, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2019 (sau khi chị đi du học tại Rumani về nước) thì bố mẹ đẻ của chị xây nhà xong cho vợ chồng chị về sinh sống tại tổ 6, khu N, phường K, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng được khoảng 5 năm đầu hòa thuận, hạnh phúc; sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H không hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con cái

và tài chính. Từ năm 2012 đến năm 2014, chị đi học tại Huế; từ năm 2015 đến năm 2018, chị đi học tại Rumani. Khi chị về nước thì tình cảm vợ chồng không hòa hợp, anh H đã nhiều lần bạo lực đối với chị như ném bát vào người chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị cũng đã được bố mẹ hai bên hòa giải tuy nhiên không có kết quả. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay, khi ly thân mặc dù sống cùng một nhà nhưng không ngủ cùng một phòng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa chị và anh H có 02 con chung tên là Hoàng Thu T, sinh ngày 06/5/2007 và Hoàng Vân N, sinh ngày 02/11/2011. Nay ly hôn chị nhận nuôi con Hoàng Vân N, để anh H nuôi con Hoàng Thu T đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại bản tự khai, tại phiên hoà giải, bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn H và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 11/11/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về sống tại hai gian nhà tập thể mà Trung tâm kỹ thuật địa chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh thanh lý cho anh tại khu T, phường M, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 2019 (sau khi chị N đi du học tại Rumani về nước) thì vợ chồng anh chuyển về sinh sống tại tổ 6, khu N, phường K, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn, không như lời chị N trình bày là anh có hành vi bạo lực đối với chị N như ném bát vào người chị N (chị N vu khống anh). Giữa anh và chị N cũng không có thời gian sống ly thân, hiện nay vợ chồng anh vẫn sống cùng nhà, vợ chồng vẫn quan hệ sinh lý bình thường. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn, anh vẫn yêu thương chị N.

Ngoài ra anh Hoàng Văn H còn cho biết: kể từ năm 2019 chị N về nước, chị N đã có lối sống buông thả như ăn mặc hở hang, đi sớm về khuya không theo trật tự của một gia đình; lối sống và tính cách của chị N đã thay đổi hoàn toàn không còn như xưa nữa, thường xuyên mạt sát chồng con.

- Về con chung: giữa anh và chị N có hai con chung là Hoàng Thu T, sinh ngày 06/5/2007 và Hoàng Vân N, sinh ngày 02/11/2011 như chị N trình bày là đúng. Vì anh không đồng ý ly hôn với chị N nên anh không có quan điểm về con chung. Còn trong trường hợp mà Tòa án giải quyết chị N được ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án phải giải quyết đồng thời chia đôi tài sản chung của vợ chồng và chia đôi con cái.

- Về tài sản chung: trước khi anh lấy chị N, anh đã có hai gian nhà tập thể Trung tâm kỹ thuật địa chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh

thanh lý cho anh. Sau khi cưới chị N về, vợ chồng anh về chung sống tại hai gian nhà tập thể đó. Đến năm 2015, chị N đi du học nước ngoài (Rumani), thì ba bố con anh vẫn ăn ở, sinh hoạt tại căn nhà đó. Đến khoảng đầu năm 2019 chị N về nước, vợ chồng anh bàn bạc nhau xây dựng nhà cho khang trang trên mảnh đất của anh được Trung tâm kỹ thuật địa chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh thanh lý cho anh. Biết được ý định đó thì bố vợ anh là ông Nguyễn Văn H1 gọi riêng anh lên và bảo: “vợ chồng tôi có một mảnh đất trống cho vợ chồng anh chị xây nhà vì ở trên này địa điểm đẹp hơn và gần bố mẹ thì sẽ tiện chăm sóc sau này về già (vì nhà vợ anh không có con trai). Còn việc sang tên đất cho hai vợ chồng thì chúng mày không phải lo, lúc nào sang tên cũng được hoặc khi hai cháu lớn, trưởng thành thì sẽ sang tên cho hai cháu. Còn căn nhà mà vợ chồng chúng tôi đang ở thì để lại cho Phương Thành” (Phương là em gái vợ anh). Biết được tinh thần như vậy nên anh về bàn bạc với chị N và quyết định xây nhà trên đất của bố mẹ vợ tại tổ 6, khu N, phường K, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Khi đang xây nhà thì vợ chồng anh bán hai gian nhà tập thể mà Trung tâm kỹ thuật địa chính của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh thanh lý cho anh được khoảng 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Trước khi cưới chị N, mẹ đẻ anh đưa cho anh số tiền 100.000.000 đồng (anh đã đưa số tiền này cho chị N). Trước khi chị N đi du học tại Rumani, mặc dù có học bổng nhưng bố mẹ đẻ anh đưa cho anh số tiền 300.000.000 đồng (anh cũng đưa số tiền trên cho chị N). Sau khi xây nhà xong, anh có về thì bố mẹ đẻ anh có đưa cho anh số tiền 200.000.000 đồng (anh cũng đưa số tiền trên cho chị N). Khi chuẩn bị xây nhà, anh bàn với chị N nửa tiền nông xây nhà 2 tầng thôi, nhưng chị N bảo: anh không phải lo cứ xây 3 tầng, tiền cơ bản cũng đã hòm rồi, mai kia chỉ bán hai gian nhà thanh lý ở phường M, Quảng Yên cũng đủ. Khi xây xong nhà từ năm 2019, vợ chồng anh cùng các con ăn ở, sinh sống yên ấm cho đến bây giờ. Hiện nay, vợ chồng anh không nợ nần ai.

Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh, giải quyết vấn đề con chung nhưng không đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý ly hôn khi Tòa án phải giải quyết đồng thời chia đôi tài sản chung của vợ chồng và chia đôi con cái.

Ngoài ra anh Hoàng Văn H cũng khẳng định: mặc dù đã được Tòa án giải thích về việc nếu đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 3 tầng cùng các tài sản trong gia đình, trị giá khoảng 2.700.000.000 đồng (được xây dựng trên đất của bố mẹ vợ) tại tổ 6, khu N, phường K, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thì anh H phải có đơn yêu cầu về việc chia tài sản chung của vợ chồng cùng các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, tuy nhiên anh H cho rằng việc làm đơn chia tài sản chung của vợ chồng là trách nhiệm của nguyên đơn (bị đơn không phải làm việc này). Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm như trong hai đơn mà anh đã gửi Tòa án và nội dung biên bản làm việc ngày 02/8/2024.

Trong đơn khởi kiện chị N có nói về tài sản chung: chị N và anh tự thỏa thuận là không đúng vì chị N chưa bao giờ thỏa thuận với anh về việc này, thậm

chí khi anh có đề cập đến vấn đề chia tài sản thì chị N gạt phắt đi không tiếp chuyện và nói là tất cả để Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tòa án tiến hành lấy lời khai của các con trên bảy tuổi của chị N và anh H là các cháu Hoàng Thu T và Hoàng Vân N. Khi được hỏi ý kiến, các cháu đều trình bày: nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ vì mẹ quan tâm và chăm sóc các cháu tốt hơn.

Tuy nhiên, ngày 16/9/2024, Tòa án có nhận được Đơn trình bày của cháu Hoàng Thu T với nội dung: tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2024, cháu có nguyện vọng ở với mẹ, tuy nhiên nay suy nghĩ lại nếu bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố và mong muốn bố vẫn cho cháu được tiếp tục học tập tại Trường THPT Ưông Bí vì năm nay cháu học lớp 12 là năm cuối cấp nên không muốn chuyển trường.

* Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Văn S – Khu phó khu N, phường K, thành phố Ưông Bí cho biết: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn H kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc cho đến khoảng mấy năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, tính cách trái ngược nhau và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tổ dân khu phố đã hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị N và anh H có 02 con chung là Hoàng Thu T và Hoàng Vân N, hiện tại các con chung của chị N và anh H đều phát triển khoẻ mạnh, bình thường; đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật để giải quyết. Việc chị N và anh H có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ưông Bí phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn H; giao con chung tên là Hoàng Thu T, sinh ngày 06/5/2007 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên là Hoàng Vân N, sinh ngày 02/11/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp

dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Hoàng Văn H có đăng ký thường trú tại tổ 6, khu N, phường K, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: trong quá trình xét xử vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt (không có lý do) và không có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn H tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, hiện nay cả hai đã sống ly thân, mặc dù vẫn sống cùng một nhà nhưng cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nhưng anh H không đồng ý ly hôn, anh chỉ đồng ý khi Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng và chia đôi con cái.

Hội đồng xét xử thấy: mâu thuẫn giữa chị N và anh H là có thật, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn H có hai con chung là cháu Hoàng Thu T, sinh ngày 06/5/2007 và Hoàng Vân N, sinh ngày 02/11/2011; chị N nhận nuôi dưỡng con chung Hoàng Vân N, để anh H nuôi dưỡng con chung Hoàng Thu T đến tuổi thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Còn anh H có quan điểm: trong trường hợp phải ly hôn với chị N thì anh đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản, chia đôi con cái, anh nuôi con nào cũng được.

Hội đồng xét xử thấy, khi được hỏi ý kiến của con chung trên bảy tuổi, thì cả hai cháu Hoàng Thu T và Hoàng Vân N đều có nguyện vọng ở với chị N. Tuy

nhiên sau đó cháu T có đơn trình bày gửi tới Toà án, theo đó cháu có nguyện vọng ở với bố. Do đó, cần giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Văn N; giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thu T cho đến khi các con chung đến tuổi thành niên; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết; còn anh Hoàng Văn H trình bày trong các Đơn gửi tới Toà án cũng như trong bản tự khai, biên bản hoà giải về việc vợ chồng anh có ngôi nhà 3 tầng, được xây dựng trên đất của bố mẹ chị N; giá trị ngôi nhà và các tài sản, vật dụng trong gia đình hiện nay khoảng 2.700.000.000đ (hai tỷ bảy trăm triệu đồng), anh H đề nghị giải quyết chia đôi giá trị tài sản trên. Tuy nhiên anh H cho rằng anh không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng mà việc này thuộc về trách nhiệm của chị N.

Hội đồng xét xử thấy: việc chị N không đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng nên Toà án không thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Việc anh H đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng nhưng anh H không có đơn yêu cầu chia tài sản, mặc dù đã được Toà án giải thích, lập biên bản rõ ràng về vấn đề này; vì vậy Toà án không có căn cứ để giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng chị N, anh H.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn H đều xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn H.
2. *Về con chung*: giao cho chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Hoàng Văn N, sinh ngày 02/11/2011; giao cho anh Hoàng Văn H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Hoàng Thu T, sinh ngày

06/5/2007, kể từ ngày xét xử (ngày 27/9/2024) cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002651 ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường M, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh);
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thịnh